

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2132**/BCA-QLHC

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 144/NĐ-CP (lần 3)

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg, ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (sao gửi kèm theo).

Để việc xây dựng Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của pháp luật có liên quan và có tính khả thi, đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình, Nghị định nêu trên và gửi về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội)¹ trước ngày 15/7/2024 để tập hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./. 

Nơi nhận

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLHC(TM).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trưởng tướng Nguyễn Văn Long

¹ Liên hệ Phòng 1, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an, sdt: 035.444.2222)

Số: /TTr-BCA-QLHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 3

TỜ TRÌNH

Dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an được giao chủ trì xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Bộ Công an xin trình dự án Nghị định này như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo hành lang pháp lý hữu hiệu để đảm bảo công tác xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực an ninh, trật tự, như: Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; Luật Căn cước năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25/6/2023; Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo... theo đó, nhiều hành vi vi phạm hành chính, mức xử phạt quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, thực tiễn tổ chức thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong công tác xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể như: một số hành vi chưa được quy định trong Nghị định hoặc quy định chưa rõ ràng, cụ thể gây khó khăn, lúng túng trong công tác xử lý vi phạm hành chính; nhiều hành vi vi phạm mức phạt tiền còn thấp, chưa có hình thức xử phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả nên tính răn đe, giáo dục còn hạn chế. Tiêu biểu là:

(i) Về đối tượng xử phạt vi phạm hành chính:

Đối tượng xử phạt vi phạm hành chính được xác định trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP còn chưa bao quát hết các tổ chức có thể là chủ thể thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh, trật tự như: Ban quản trị, Ban quản lý nhà chung cư, các tổ chức đảng, tổ chức tôn giáo...

(ii) Về xác định hành vi vi phạm:

Điều 6 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP xác định phải chuyển hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự cho cơ quan điều tra trong khi chưa cần nói rõ vụ việc có dấu hiệu tội phạm hay không. Vấn đề này chưa phù hợp với Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Một số quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP liên quan đến các hành vi trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ chưa phù hợp với chính sách hình sự tại Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Điểm k khoản 3 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi “Nhận cầm cố tài

sản mà không lưu giữ tài sản cầm cố”. Quy định này chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền của bên nhận cầm cố tài sản như sau: “Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận”. Theo đó, việc cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ cầm cố tài sản nhưng sau đó thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho thuê, mượn lại chính tài sản cầm cố đó với người đi cầm cố là phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự.

Việc xử phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến trang bị hệ thống truyền tin báo sự cố và cập nhật cơ sở dữ liệu về phòng cháy và chữa cháy chưa phù hợp trong thực tiễn do hiện nay Bộ Công an chưa được trang bị hệ thống này để các cơ sở kết nối theo quy định.

Không có quy định xử phạt đối với hành vi giúp sức người khác cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong vụ việc cố ý gây thương tích giữa thành viên trong gia đình, còn chưa rõ ràng trong việc áp dụng pháp luật giữa việc xử phạt người vi phạm về hành vi cố ý gây thương tích quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP với xử phạt người vi phạm về hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình quy định tại Điều 52 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.

Tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, thì “Định kỳ 06 tháng, 01 năm cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp giấy phép sử dụng giấy xác nhận đăng ký về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ”. Tuy nhiên, tại Điều 11 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP về xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm bị cấm thì không có chế tài, xử lý đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện báo cáo định kỳ nêu trên.

Chưa có quy định xử phạt hành vi vi phạm: “Không nộp lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực về việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy phép hoạt động hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc giao nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã bị huỷ giá trị sử dụng con

dấu”, trong khi vấn đề này được đề cập tại điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.

Một số hành vi còn trùng lặp giữa Nghị định số 144/2021/NĐ-CP và các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính khác, gây lúng túng trong quá trình áp dụng, như: hành vi “sử dụng nhân viên không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề theo quy định của pháp luật phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân viên”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP trùng với hành vi “sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc bị cấm hoặc làm việc tại nơi làm việc bị cấm quy định tại Điều 147 của Bộ luật Lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”, quy định tại điểm e khoản 3 Điều 29 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; hành vi “sử dụng hoặc cho trẻ em sử dụng các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 số 144/2021/NĐ-CP trùng với hành vi “vi phạm quy định về cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em” tại Điều 30 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em; hành vi “tàng trữ trái phép pháo” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 11 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP trùng với các hành vi quy định tại điểm Điều 8 Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

Điểm k khoản 3 Điều 12 Nghị định số 144 quy định “Nhận cầm cố tài sản mà không lưu giữ tài sản cầm cố hoặc không lưu giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản đối với tài sản theo quy định pháp luật phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đó” thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoản 2, khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền của bên nhận cầm cố tài sản là “xử lý tài sản theo phương thức thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật”, “được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận khác” và khoản 7 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của cơ sở cầm đồ, theo đó quy định cơ sở cầm đồ phải “bố trí kho bảo quản tài sản cầm cố và đảm bảo an toàn đối với tài sản của người mang tài sản đến cầm cố” (không thể hiện tính bắt buộc bảo quản tài sản cầm cố tại cơ

sở). Do đó, việc cơ sở cầm đồ cho người cầm cố thuê, mượn lại tài sản khi có sự thỏa thuận giữa hai bên là có cơ sở pháp lý. Như vậy giữa quy định của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP và Bộ luật Dân sự về cầm cố tài sản có sự mâu thuẫn với nhau.

(iii) Về mức phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả:

Một số hành vi vi phạm hành chính còn thiếu biện pháp khắc phục hậu quả và có mức phạt tương đối thấp chưa có tính răn đe, phòng ngừa vi phạm; dẫn đến tình trạng một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hiện đang tồn tại tâm lý là chấp nhận nộp phạt vi phạm hành chính vẫn có lợi hơn so với việc chấp hành đúng quy định của pháp luật hoặc vẫn có tư tưởng xem nhẹ sai phạm đó.

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định biện pháp khắc phục hậu quả “buộc thực hiện việc thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy” đã được quy định tại khoản 6 Điều 38 dẫn đến còn nhiều cách hiểu khác nhau trong việc xác định thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 38 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.

Tại điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định về thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12. Tuy nhiên, hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đã được quy định về thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính có quy định: “không quy định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn trong các trường hợp có quy định pháp luật về việc thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề”.

Việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi: “không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự” quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, cụ thể: Về xử lý đối với vi phạm hành chính nhiều lần: Trong các vụ việc vi phạm, đối tượng vi phạm thường thực hiện cho vay nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định; đối với trường hợp này, tại điểm d, khoản 1, Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về nguyên tắc xử lý vi phạm hành

chính: “Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng”. Mặt khác, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng. Vì vậy không thể căn cứ điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để xác định hành vi vi phạm hành chính nhiều lần này là tình tiết tăng nặng. Vấn đề này gây nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật.

Việc quy định hình thức xử phạt trực xuất là hình thức xử phạt bổ sung kèm theo hình thức xử phạt chính là phạt tiền dẫn đến khó khăn trong quá trình xử lý người nước ngoài vi phạm không có khả năng tài chính để nộp phạt, không có cơ quan bảo lãnh (trường hợp được miễn thị thực, thị thực điện tử...), không có cơ quan đại diện ngoại giao ở Việt Nam; phải đưa vào cơ sở lưu trú để quản lý, giám sát khi họ chưa thực hiện hình thức xử phạt chính là phạt tiền, tốn kém kinh phí của Nhà nước, nhân lực và thời gian, nhiều trường hợp quản lý kéo dài nhiều tháng có thể gây phản ứng về ngoại giao. Đồng thời, nếu áp dụng hình thức xử phạt trực xuất với số lượng lớn có thể gây phản ứng bất lợi về ngoại giao, ảnh hưởng đến chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại, thu hút đầu tư, mở cửa, hội nhập phát triển kinh tế...

(iv) Về thẩm quyền xử phạt:

Điều 76 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chưa quy định thẩm quyền xử phạt đối với “các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt” được quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Khoản 4 Điều 78 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng Bộ đội biên phòng đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm (Điều 11), các hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy (Điều 23) là chưa phù hợp với Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 và Luật Biên phòng năm 2020.

Khoản 5 Điều 78 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng Cảnh sát biển đối với một số hành vi thường xuyên xảy ra trên biển, thuộc chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát biển theo quy định của Bộ luật Hình sự, Luật Tổ tụng Hình sự và Luật Xử lý vi

phạm hành chính như: Các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống tệ nạn xã hội quy định tại Mục 2 Chương II và hành vi vi phạm quy định trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ quy định tại Điều 34...

Khoản 6 Điều 78 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng Hải quan đối với một số hành vi liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc địa bàn quản lý của Hải quan được quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Hải quan: “Trong địa bàn hoạt động Hải quan, cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải và xử lý vi phạm pháp luật về Hải quan phù hợp với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” như: hành vi “vận chuyển hoặc tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” (điểm b khoản 3 Điều 11); hành vi “tàng trữ, vận chuyển trái phép các loại phế liệu, phế phẩm vũ khí, công cụ hỗ trợ” (điểm d khoản 3 Điều 11); hành vi “vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, quá cảnh chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất ma túy” (điểm b khoản 5 Điều 25)...

Khoản 10 Điều 78 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định thẩm quyền xử phạt cho Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với các hành vi vi phạm thuộc các lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội (hành vi gây mất trật tự công cộng ở nơi biểu diễn nghệ thuật, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao); một số hành vi về phòng, chống tệ nạn xã hội (hành vi mua, bán dâm; hành vi sử dụng việc mua, bán dâm và các hoạt động tình dục khác để làm phương thức kinh doanh trong các cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng...). Trong quá trình thanh tra phát hiện các hành vi vi phạm nhưng không có thẩm quyền xử phạt dẫn đến không phát huy được hết hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật, bảo đảm tính khả thi, tăng cường rắn đe, giáo dục cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính thì việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Bảo đảm sự phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất của Nghị định trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan và phù hợp với các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thể chế hoá quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nói chung nhằm góp phần tạo môi trường an toàn, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

Bảo đảm việc xử phạt nghiêm minh nhưng có tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với thực tế; góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Nghị định phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết, khảo sát đầy đủ, toàn diện về việc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình ở nước ta trong những năm qua; kế thừa, phát huy những quy định, những kinh nghiệm tốt, khắc phục triệt để những vấn đề còn bất cập, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh - trật tự và hoàn thiện hành lang pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định của pháp luật trong thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.

2. Bộ Công an đã tiến hành sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP; đồng thời, rà soát các quy định của Nghị định, đối chiếu

với các quy định của pháp luật và thực tiễn để bổ sung, sửa đổi những hành vi, điều chỉnh mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong dự thảo Nghị định cho phù hợp.

3. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của Công an các đơn vị, địa phương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định; đăng tải dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức và Nhân dân theo quy định.

Bộ Công an đã tổng hợp, phân tích các ý kiến đóng góp để tiếp thu chỉnh lý dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ và gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định (có bảng tổng hợp ý kiến tham gia kèm theo).

4. Ngày, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số...../BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định nêu trên.

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã chỉnh lý dự thảo Nghị định. Đến nay, dự thảo Nghị định đã hoàn chỉnh, đủ điều kiện để trình Chính phủ xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 4 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 2. Bổ sung, bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm, mức xử phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt trên cơ sở quy định mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; Luật Căn cước năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất

cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023; Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo... và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP như sau:

2.1. Phần quy định chung (Chương I Nghị định số 144/2021/NĐ-CP)

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về biện pháp khắc phục hậu quả, đối tượng xử phạt là tổ chức và các hành vi được quy định đồng thời trong Bộ luật Hình sự, cụ thể:

(i) Về biện pháp khắc phục hậu quả (khoản 3 Điều 3): sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân” thành “Buộc nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân; giấy chứng nhận căn cước; số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại”; bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc thực hiện thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy”, “buộc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy”; “buộc thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy”; “buộc ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy”.

(ii) Bổ quy định hình thức xử phạt trực xuất là hình thức xử phạt bổ sung đồng thời bổ sung quy định: việc áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người nước ngoài có thể là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung; không áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước.

(iii) Về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính (khoản 3 Điều 4): bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với “tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật”.

(iv) Về thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự: Bãi bỏ quy định về thủ tục xử phạt đối với những

hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự tại Điều 6 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP vì nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định về tố tụng trong Luật Tố tụng hình sự.

2.2. Phần hành vi vi phạm và chế tài xử phạt (Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP)

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm, mức xử phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trên cơ sở quy định mới của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; Luật Căn cước năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023; Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo...; sửa đổi một số định danh hành vi vi phạm và loại bỏ một số hành vi không còn phù hợp trong thực tiễn áp dụng. Cụ thể:

2.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về an ninh, trật tự (Mục 1 Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP)

a) Bổ sung xử phạt đối với các hành vi: các hành vi vi phạm về cấp, quản lý, sử dụng thẻ Căn cước cho phù hợp với quy định mới tại Luật Căn cước năm 2023; các hành vi vi phạm về cấp, quản lý định danh và xác thực điện tử, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

b) Sửa đổi các hành vi vi phạm quy định tại: các điểm b, c khoản 3, các điểm a, b và d khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 7 (Vi phạm quy định về trật tự công cộng); điểm a khoản 1, điểm c và d khoản 4 Điều 9 (Vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú); Điều 10 (Vi phạm quy định về cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân); Điều 11 (Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm bị cấm); điểm h khoản

1, điểm e khoản 2, các điểm i, k và l khoản 3 Điều 12 (Vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự); điểm c và h khoản 3 Điều 13 (Vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu); điểm a khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 15 (Vi phạm quy định về gây thiệt hại đến tài sản của tổ chức, cá nhân khác; các điểm a, b và d khoản 2, các điểm b, c d, đ và i khoản 3, điểm a khoản 4, điểm c khoản 5, điểm d khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 18 (Vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại); khoản 2 Điều 20 (Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc các giấy tờ khác dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân); Điều 22 (Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân) cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

c) Bãi bỏ quy định xử phạt đối với các hành vi: các hành vi liên quan đến việc xuất trình và sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho phù hợp với quy định tại Luật Cư trú và các nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc xuất trình các giấy tờ liên quan đến cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính; các hành vi vi phạm liên quan đến sử dụng đồ chơi nguy hiểm bị cấm; hành vi “Cơ sở lưu trú cho người nước ngoài tạm trú qua đêm nhưng không khai báo tạm trú hoặc không cập nhật thông tin khai báo tạm trú theo quy định; người nước ngoài không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật” quy định tại điểm i khoản 3 Điều 18 vì đã được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9.

d) Bổ sung quy định người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại một số khoản của các Điều: 7, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 20 thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống tệ nạn xã hội (Mục 2 Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP). Cụ thể:

a) Sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: điểm a khoản 5 Điều 23 (Vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy); các hành vi vi phạm quy định về cai nghiện ma túy.

b) Bổ sung quy định người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại một số khoản của các Điều: 23, 25, 27, 28 thì tùy theo mức độ vi

phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ (Mục 3 Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP). Cụ thể:

a) Bổ sung xử phạt đối với các hành vi: Không gửi báo cáo khi có thay đổi các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; Không thực hiện các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung đối với hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Không bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ khi có sự thay đổi, cải tạo so với hiện trạng ban đầu; Không lắp đặt phương tiện chiếu sáng tại các vị trí trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật; Làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, chữa cháy; Không duy trì các điều kiện của lối vào từ trên cao để phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Làm mất tác dụng của lối vào từ trên cao phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Không ban hành quy chế hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở,... cho phù hợp với Luật Phòng cháy và chữa cháy, các văn bản hướng dẫn thi hành và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

b) Sửa đổi các hành vi vi phạm quy định tại: khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 30 (Vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); khoản 4 Điều 32 (Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ); khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 38 (Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng); điểm b khoản 4 Điều 40; khoản 1, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 41 (Vi phạm quy định về phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ); điểm b và điểm d khoản 2 Điều 46 (Vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ); b khoản 3 Điều 48 (Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy).

c) Về mức xử phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả:

- Nâng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại: khoản 1, khoản 2 Điều 29 (Vi phạm quy định trong việc ban hành, phổ biến và thực hiện nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); khoản 1 Điều 30 (Vi phạm quy định về kiểm tra an toàn

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); khoản 1 Điều 31 (Vi phạm quy định về hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); khoản 2 Điều 35 (Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt hoặc các thiết bị điện tử); khoản 1 Điều 37 (Vi phạm quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong lắp đặt, kiểm tra, bảo trì hệ thống chống sét); khoản 1 Điều 38 (Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng); khoản 1 Điều 39 (Vi phạm quy định về khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy và ngăn cháy); khoản 1 Điều 41 (Vi phạm quy định về phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ); khoản 1, khoản 2 Điều 44 (Vi phạm quy định về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy); khoản 1, khoản 2 Điều 45 (Vi phạm quy định về công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ); khoản 1 Điều 46 (Vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ).

- Giảm mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 49 (Vi phạm quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc).

d) Bổ sung quy định: Các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ là hóa chất được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

đ) Bổ sung quy định người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại một số khoản của Điều 32 thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình (Mục 4 Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP). Cụ thể:

a) Bổ sung xử phạt đối với các hành vi: Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới tính, năng lực của thành viên gia đình; Cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực; Cô lập, giam cầm thành viên gia đình; Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng; Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi.

b) Sửa đổi các hành vi vi phạm quy định tại: khoản 1 Điều 52 (Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình); điểm b khoản 1 Điều 53 (Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình); điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 55 (Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý).

2.3. Phân thẩm quyền xử phạt (Chương III Nghị định số 144/2021/NĐ-CP)

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định thẩm quyền xử phạt đối với “các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt” tại Điều 76; sửa đổi, bổ sung phân định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, lực lượng Hải quan và Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại các khoản 4, 5, 6 và 10 Điều 78 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, cụ thể:

(i) Điều 76 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt của Thanh tra bổ sung quy định thẩm quyền xử phạt đối với “các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt”.

(ii) Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 7, 8, 9, 10 và 11, 11a, khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 17, Điều 18, Điều 19; các điều 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 32, 33, 34, 45 và các điều tại mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định này trong lĩnh vực quản lý, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn được giao.

(iii) Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3, điểm d khoản 4, các điểm a và c khoản 5 Điều 7; điểm a khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2, các điểm b và d khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 11a; các điểm a, b và đ khoản 1, các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 20; Điều 21; Mục 2 Chương II và Điều 34 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 71 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.

(iv) Người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c và đ khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 7; Điều 11; Điều 11a; các điểm b, d, đ và k khoản 3, các điểm a, c, d và e khoản 4, điểm n khoản 3 Điều 12, Điều 18, Điều 21 và Điều 23 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 72 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

(v) Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 7, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

V. CÁC VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

.....

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi), Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo hồ sơ xây dựng dự án Nghị định gồm:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;

(3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng Nghị định;

(4) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;

(5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng BCA;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLHC(P1).

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 3

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Cảnh vệ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày ... tháng ... năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 12 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Buộc nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân; giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;”;

b) Bổ sung điểm x và y vào sau điểm v khoản 3 như sau:

“x) Buộc thực hiện việc thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

y) Buộc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma

túy; buộc thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy; buộc ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.”;

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“Việc áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người nước ngoài có thể là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung;

Không áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước.”.

2. Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 4 như sau:

“g) Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c và bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 3 như sau:

“b) Tổ chức, giúp sức, thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Báo thông tin giả, không đúng sự thật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

k) Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển hoặc mang theo có tính sát thương cao nhưng không thực hiện các biện pháp bảo đảm theo quy định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và d khoản 4 như sau:

“a) Tổ chức, thuê, giúp sức, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác hoặc trực tiếp thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

b) Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật hoặc phương tiện giao thông các loại công cụ, phương tiện sử dụng trong lao động, sản xuất, sinh hoạt có khả năng sát thương nhằm mục đích xâm phạm an ninh, trật tự;

d) Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 52 Nghị định này;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 13 như sau:

“a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, d, đ và g khoản 2; điểm đ và k khoản 3; các điểm b, e và i khoản 4; các điểm a và c khoản 5; các khoản 6 và 10 Điều này;”;

đ) Bổ sung khoản 15 vào sau khoản 14 như sau:

“15. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c, e và g khoản 4 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Không thực hiện đúng quy định về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, tách hộ hoặc điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 4 như sau:

“c) Làm giả, sử dụng xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện hành vi trái pháp luật khác;

đ) Cản trở, không chấp hành việc kiểm tra thường trú, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú, kiểm tra việc tạm vắng, kiểm tra việc cư trú tại nơi ở đã khai báo thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và h khoản 2, các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Vi phạm quy định về cấp, quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không xuất trình thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;

b) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; cấp căn cước điện tử;

c) Không nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước cho cơ quan thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù, cơ quan thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, sử dụng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

b) Tẩy xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung của thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

c) Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

d) Không nộp lại thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước cho cơ quan có thẩm quyền khi được thôi, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; không nộp lại giấy chứng nhận căn cước khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được nhập quốc tịch Việt Nam hoặc xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc xác định có quốc tịch nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả để được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước; giấy xác nhận

thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng thẻ căn cước công dân giả, thẻ căn cước giả, căn cước điện tử giả, giấy chứng nhận căn cước giả, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại giả;

c) Thẻ chấp, cầm cố, nhận cầm cố thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước;

d) Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước;

đ) Mượn, cho mượn thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 2, khoản 3 và các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm đ khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đầy đủ quy định về kiểm tra định kỳ vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị;

b) Không kê khai, đăng ký đầy đủ vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị, sử dụng với cơ quan có thẩm quyền;

c) Bảo quản các loại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không đúng quy định;

d) Không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Mất giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

b) Lưu hành các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không còn giá trị sử dụng;

c) Giao vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng không đúng đối tượng hoặc không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

d) Phân công người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

đ) Không bố trí kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

e) Mang vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không mang theo giấy chứng nhận, giấy phép sử dụng;

g) Mua, bán, trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép hoặc chiếm đoạt phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

h) Chế tạo, sản xuất, mua, bán, trang bị, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sửa chữa vũ khí, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ có giấy phép nhưng không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ được giao;

b) Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Che giấu, không tố giác hoặc giúp người khác chế tạo, sản xuất, mang, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng trái phép hoặc hủy hoại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

d) Vận chuyển hoặc tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường;

đ) Không thử nghiệm, kiểm định, giám định chứng nhận và đăng ký theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa trước khi được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam;

e) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; không báo cáo, báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

g) Mất vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ được trang bị;

h) Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép;

i) Vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ được trang bị hoặc kinh doanh nhưng không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

k) Không chấp hành việc kiểm tra hoặc cản trở việc kiểm tra vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền;

l) Không xuất trình hoặc giao nộp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

m) Không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

n) Bán tiền chất thuốc nổ cho tổ chức, doanh nghiệp khi tổ chức, doanh nghiệp đó chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ hoặc chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; cưa, cắt, đục hoặc thực hiện các thao tác khác để tháo vũ khí quân dụng trái phép;

b) Mất vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao được trang bị;

c) Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa lắp ráp, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc quảng cáo vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả;

đ) Trao đổi, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ hoặc cho, tặng, tiếp nhận, viện trợ vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ trái phép;

e) Làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, hoán cải, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ;

b) Mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc mang vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ, mục tiêu bảo vệ.

6. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ chưa được quy định tại Nghị định này được xử lý, xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b và g khoản 2; điểm b, đ, l và m khoản 3; điểm a, c, d, đ và e khoản 4; điểm a và b khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm g và h khoản 2; điểm b, đ và n khoản 3; điểm a, c, đ và e khoản 4; điểm a và b khoản 5 Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với hành vi quy định tại điểm h khoản 2; điểm g và m khoản 3; điểm b, đ và e khoản 4 Điều này trừ trường hợp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tịch thu theo khoản 7 Điều này.

7. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng pháo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng pháo theo quy định;

b) Sử dụng pháo hoa không đúng quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giao pháo hoa cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép về pháo;

b) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, quản lý, bảo quản pháo, thuốc pháo; không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về pháo, thuốc pháo;

c) Vận chuyển, bảo quản, tiêu hủy pháo không đảm bảo an toàn hoặc làm ảnh hưởng tới môi trường;

d) Không thử nghiệm, kiểm định, giám định chứng nhận và đăng ký các loại pháo theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa trước khi được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi sau đây:

a) Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện cách thức chế tạo, sản xuất, sử dụng pháo trái phép;

b) Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng pháo để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Mang pháo, thuốc pháo trái phép vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ;

d) Trao đổi, cho, tặng, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố pháo hoa nổ hoặc thuốc pháo để sản xuất pháo trái phép;

đ) Giao pháo hoa nổ, thuốc pháo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

e) Sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt pháo hoa nổ, thuốc pháo.

5. Đối với hành vi nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép pháo hoa, thuốc pháo hoa hoặc hành vi chế tạo trái phép pháo nổ thì bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với số lượng dưới 05kg pháo hoa hoặc dưới 0,5kg thuốc pháo hoa;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với số lượng từ 05kg đến dưới 10kg pháo hoa hoặc từ 0,5kg đến dưới 01kg thuốc pháo hoa;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với số lượng từ 10kg đến dưới 20kg pháo hoa hoặc từ 01kg đến dưới 02kg thuốc pháo hoa;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với số lượng từ 20kg đến dưới 40kg pháo hoa hoặc từ 02kg đến dưới 05kg thuốc pháo hoa;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với số lượng từ 40kg đến dưới 50kg pháo hoa hoặc từ 05kg đến dưới 10kg thuốc pháo hoa;

e) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với số lượng từ 50kg pháo hoa trở lên hoặc từ 10kg thuốc pháo hoa trở lên.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép thuốc pháo nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Các hành vi vi phạm hành chính về sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép pháo nổ được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2; điểm a và d khoản 3; điểm a, b, c, d, đ và e khoản 4; điểm a, b, c, d, đ và e khoản 5 và khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3; điểm a, c, d và e khoản 4; điểm a, b, c, d, đ và e khoản 5 và khoản 6 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Không xuất trình được bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan Công an có thẩm quyền trừ trường hợp đã được cấp bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Sử dụng nhân viên không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề theo quy định của pháp luật phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân viên, trừ trường hợp quy định tại điểm t khoản 3 Điều này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm i, k và l khoản 3 như sau:

“i) Nhận cầm cố tài sản nhưng không có hợp đồng cầm cố theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm l khoản 3 Điều này;

k) Nhận cầm cố tài sản mà không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản đối với tài sản theo quy định của pháp luật phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đó hoặc không lưu giữ tài sản cầm cố trừ trường hợp có thỏa thuận theo quy định pháp luật;

l) Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 3 Điều này;”.

d) Sửa đổi, bổ sung các điểm d và đ; bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 4 như sau:

“d) Kinh doanh dịch vụ cầm đồ cho vay tiền có cầm cố tài sản mà lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản mà lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhưng lãi suất cho vay thấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự;

l) Không có kho bảo quản tài sản cầm cố hoặc kho bảo quản tài sản cầm cố không đúng địa chỉ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền”.

đ) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 5 như sau:

“g) Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay gấp từ 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.”;

e) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:

“5a) Các hành vi vi phạm hành chính về quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đối với việc sử dụng lao động là người chưa thành niên được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm a và c khoản 6 như sau:

“a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, e và g khoản 4 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 09 tháng đối với cơ sở có hành vi vi phạm quy định tại điểm q khoản 3 Điều này;”;

h) Bổ sung khoản 8 và 9 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Vi phạm hành chính nhiều lần đối với các hành vi quy định tại điểm d và đ khoản 4, điểm g khoản 5 Điều này được xác định là tình tiết tăng nặng.

9. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm c và h khoản 3 như sau:

“c) Mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp; sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức khác để hoạt động;

h) Không nộp lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động hoặc con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã bị hủy giá trị sử dụng con dấu;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Buộc nộp lại con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2; các điểm a, d, đ và h khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này;”;

c) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản đồng sở hữu của bản thân hoặc của cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 4 như sau:

“c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trừ trường hợp tài sản không thể khôi phục được tình trạng ban đầu;

d) Buộc trả lại tài sản do chiếm giữ trái phép hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tiêu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm

a khoản 1 Điều này.”;

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

11. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 17 như sau:

“5. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và d khoản 2 như sau:

“a) Không thông báo theo quy định của pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền về việc mất hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; thẻ ABTC hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Khai không đúng sự thật để được cấp, gia hạn, khôi phục giá trị sử dụng hoặc trình báo mất hộ chiếu, giấy thông hành; khai không đúng sự thật để được cấp giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC;

d) Không xuất trình hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC khi cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu; không chấp hành các yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam về khám người, phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d, đ và i khoản 3 như sau:

“b) Hủy hoại, tẩy, xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch hình thức, nội dung ghi trong hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC;

c) Tặng, cho, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC;

d) Cho người khác sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

đ) Sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC của người khác để nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác;

i) Không khai báo tạm trú cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật hoặc khai báo không chính xác, không đúng sự thật về người nước ngoài tạm trú; tạo tài khoản bằng thông tin sai sự thật để khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua dịch vụ công; người nước ngoài không xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định; người nước ngoài không thông báo cho cơ sở lưu trú khi có thay đổi thông tin về hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để cập nhật thông tin khai báo tạm trú theo quy định;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Sử dụng hộ chiếu giả, giấy thông hành giả, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế giả, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam giả; tem AB giả; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên giả; dấu kiểm chứng giả hoặc thẻ ABTC giả;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c, bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 5 như sau:

“c) Mua, bán hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC;

d) Công dân Việt Nam sử dụng thị thực nước ngoài giả hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh giả.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a, bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 7 như sau:

“a) Làm giả hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; tem AB; giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC;

g) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 01 năm trở lên mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.”;

g) Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 như sau:

“7a. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến cư dân biên giới qua lại khu vực biên giới được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.”;

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a, c, d khoản 5; điểm c khoản 6; điểm a, d, g khoản 7 Điều này.”;

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và các điểm a và c khoản 5, điểm d, đ khoản 7 Điều này.”;

k) Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:

“10. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

13. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 3 Điều 19 như sau:

“e) Sử dụng thiết bị ngoại vi kết nối với máy tính chứa bí mật nhà nước hoặc thiết bị soạn thảo, lưu trữ chứa bí mật nhà nước không đúng quy định

của pháp luật.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán hoặc đổi trái phép trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, sổ hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc các giấy tờ khác dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này.”;

b) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cố ý không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, sai sự thật hoặc giả mạo thông tin, giấy tờ, tài liệu phục vụ xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước.

b) Cố ý không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, sai sự thật hoặc giả mạo thông tin, giấy tờ, tài liệu để đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm sai lệch sổ sách, hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, dữ liệu và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước;

b) Khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước nhưng

không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về căn cước và chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Cản trở hoặc ngăn chặn, làm gián đoạn hoạt động quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cung cấp, khai thác trái phép, trái thẩm quyền thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Cố ý làm lộ bí mật thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Truy nhập trái phép, làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán hoặc thực hiện các hoạt động khác liên quan đến xử lý thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Phá hoại cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường truyền và các trang, thiết bị phục vụ hoạt động bình thường của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

c) Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi khác gây cản trở, rối loạn hoạt động của cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

d) Khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

5. Hình thức phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.”.

17. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

“Điều 22a. Vi phạm quy định về cấp định danh và xác thực điện tử; sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp tài khoản định danh điện tử;

b) Không thực hiện đúng quy định về việc xác thực điện tử.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử của cá nhân;

b) Cung cấp thông tin về danh tính điện tử giả để được định danh cá nhân.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả để được cấp tài khoản định danh điện tử;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp tài khoản định danh điện tử;

c) Cung cấp thông tin về danh tính điện tử giả để được định danh tổ chức.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả tài khoản nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng tài khoản định danh điện tử giả;

c) Chiếm đoạt tài khoản định danh điện tử của tổ chức;

d) Mua, bán, thuê, cho thuê tài khoản định danh điện tử;

d) Mượn, cho mượn tài khoản định danh điện tử để người khác thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng tài khoản định danh điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật; xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Tạo lập ứng dụng định danh và xác thực điện tử giả; tổ chức làm giả tài khoản định danh và xác thực điện tử;

c) Can thiệp trái phép vào việc sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử của cá nhân, tổ chức;

d) Cản trở việc thực hiện phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Cung cấp địa điểm, phương tiện cho người khác tàng trữ, mua, bán trái phép chất ma túy;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều này như sau:

“8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b khoản 5 Điều này.”;

c) Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:

“10. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 5 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

19. Bổ sung Điều 23a vào sau Điều 23 như sau:

“Điều 23a. Vi phạm các quy định về cai nghiện ma túy

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không ban hành quy trình cai nghiện ma túy; quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Không thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy;

c) Không ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy;

d) Không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không chấp hành Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy;

b) Không chấp hành quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy có thời hạn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình cai nghiện ma túy; quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thực hiện cai nghiện ma túy vượt quá phạm vi hoạt động được ghi trong giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Thực hiện cai nghiện ma túy vượt quá phạm vi chức năng, nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây: cho mượn; cho thuê; chuyển nhượng hoặc sử dụng giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện vào mục đích khác.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cai nghiện ma túy khi chưa được đăng ký, chưa được cấp phép hoạt động hoặc chưa đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Buộc thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”

20. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 25 như sau:

“5. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

21. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 27 như sau:

“5. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

22. Bổ sung khoản 8 và 9 vào sau khoản 7 Điều 28 như sau:

“8. Vi phạm hành chính nhiều lần đối với các hành vi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được xác định là tình tiết tăng nặng.

9. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Vi phạm quy định trong việc ban hành, phổ biến và thực hiện nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm mất tác dụng của nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Niêm yết biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy không đúng quy cách, mẫu quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sau ban hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không đầy đủ nội dung quy định hoặc không phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ sở.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không niêm yết nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Không niêm yết biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy; biển cấm, biển cảnh báo tại khu vực, nơi nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

d) Không phổ biến nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho những người trong phạm vi quản lý.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành hoặc ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nhưng trái với các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.”.

24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tổ chức thực hiện văn bản hướng dẫn, chỉ đạo hoặc văn bản yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không xuất trình hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Không bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với người có thẩm quyền kiểm tra khi đã nhận được thông báo về việc kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Không tự kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

đ) Không gửi báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đầy đủ tài liệu, cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Bảo quản, bố trí, sắp xếp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định hoặc vượt quá số lượng, khối lượng hoặc sắp xếp không bảo đảm khoảng cách, không theo từng nhóm chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật;

b) Không có hoặc không duy trì biện pháp thông gió theo quy định của pháp luật.”;

b) Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ là hóa chất được xử lý, xử phạt theo Nghị

định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”;

c) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.”.

28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp và phương tiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công, xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình hoặc hoán cải phương tiện giao thông cơ giới khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Thi công công trình hoặc hạng mục công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;”;

d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:

“5a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này.”.

29. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy và ngăn cháy theo quy định của pháp luật;

b) Không tổ chức vệ sinh công nghiệp theo quy định dẫn đến tạo thành môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xây, lắp đặt tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác không bảo đảm yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Không có hoặc không duy trì các giải pháp ngăn cháy khác theo quy định của pháp luật trừ các giải pháp về tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không làm hoặc không duy trì tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy theo quy định của pháp luật.”;

d) Bổ sung khoản 5a và sau khoản 5 như sau:

“5a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”.

30. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi lắp gương trên đường thoát nạn; cửa đi trên đường, lối thoát nạn không mở theo chiều thoát nạn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông và các vật dụng khác cản trở đường, lối thoát nạn.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cửa thoát nạn, lối thoát nạn, cầu thang thoát nạn, đường thoát nạn không đủ kích thước, số lượng theo quy định của pháp luật;

b) Chèn cửa thoát nạn.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Khóa, chặn cửa thoát nạn;

b) Không duy trì việc bảo vệ chống khói cho nhà, công trình theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm mất tác dụng của lối, đường thoát nạn;

b) Không có hệ thống bảo vệ chống khói cho nhà, công trình theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.”.

31. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xây dựng phương án chữa cháy không bảo đảm yêu cầu và nội dung theo quy định của pháp luật;

b) Không gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy đến cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 như sau:

“a) Sử dụng phương án chữa cháy chưa được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

d) Không bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ khi có sự thay đổi, cải tạo so với hiện trạng ban đầu.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 4 như sau:

“a) Không xây dựng phương án chữa cháy;

b) Không tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.”.

32. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm đ khoản 2 như sau:

“a) Không kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy và chữa cháy định kỳ;

đ) Làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng phương tiện chữa cháy thông dụng, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy trên lối thoát nạn; chất chữa cháy, thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 như sau:

“b) Làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng của phương tiện chữa cháy cơ giới, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, chữa cháy;

c) Không duy trì chế độ hoạt động thường trực của phương tiện chữa cháy cơ giới, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, chữa cháy đã được trang bị theo quy định của pháp luật.”;

c) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 như sau:

“g) Không trang bị đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn theo quy định của pháp luật.”.

33. Sửa đổi bổ sung một số khoản của Điều 45 như sau:

a) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Không duy trì các điều kiện của lối vào từ trên cao để phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”;

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không báo cháy, sự cố, tai nạn hoặc ngăn cản, gây cản trở việc thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn.”;

c) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 4 như sau:

“đ) Làm mất tác dụng của lối vào từ trên cao phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

34. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 46 như sau:

“b) Sử dụng người chưa được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy hoặc chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đã hết thời hạn làm lực lượng chữa cháy cơ sở, chuyên ngành, người điều khiển, người làm việc, người phục vụ trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hành khách trên 29 chỗ ngồi hoặc trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ hoặc làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc các hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ hoặc làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy tại các cơ sở thuộc danh mục theo quy định của pháp luật.”.

35. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tổ chức trực tại cơ sở hoặc tại các vị trí yêu cầu có người thường trực theo quy định của pháp luật;

b) Không gửi quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoặc đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành đến cơ quan Công an quản lý địa bàn.”;

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Không ban hành quy chế hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.”.

36. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm cho nhiều cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy.

b) Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không bảo đảm nội dung, thời gian theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều này.”.

37. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng cho thành viên gia đình.”;

b) Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau:

“2a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

38. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 53 như sau:

“b) Bỏ mặc, không quan tâm, không nuôi dưỡng, không chăm sóc thành viên gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc.”

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

“Điều 55. Hành vi cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý và bạo lực tình dục trong hôn nhân gia đình

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân hoặc có các quan hệ

xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;

b) Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;

c) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh;

d) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới tính, năng lực của thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cường ép thành viên gia đình phải chứng kiến bạo lực đối với người, con vật;

b) Cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cường ép thành viên gia đình trình diễn hành vi khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;

b) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình;

c) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.”

40. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 58 như sau:

“1. Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình.”.

41. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Hành vi cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp.”.

42. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 như sau:

“Điều 61. Hành vi kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.”.

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:

“Điều 63. Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình.”.

44. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 70 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phạt tiền đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 2.000.000 đồng đối với

hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Phạt tiền đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”.

45. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 71 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong

lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 3.750.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phạt tiền đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 22.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

“b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”.

46. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 78 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 7, 8, 9, 10 và 11,

11a, khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 17, Điều 18, Điều 19; các điều 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 32, 33, 34, 45 và các điều tại mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định này trong lĩnh vực quản lý, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn được giao.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3, điểm d khoản 4, các điểm a và c khoản 5 Điều 7; điểm a khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2, các điểm b và d khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 11a; các điểm a, b và đ khoản 1, các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 20; Điều 21; Mục 2 Chương II và Điều 34 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 71 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c và đ khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 7; Điều 11; Điều 11a; các điểm b, d, đ và k khoản 3, các điểm a, c, d và e khoản 4, điểm n khoản 3 Điều 12, Điều 18, Điều 21 và Điều 23 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 72 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 7, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

47. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 3, Điều 6, điểm b khoản 5, điểm d khoản 13 Điều 7, điểm đ khoản 6 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 13, điểm b khoản 3 Điều 15, điểm h khoản 3 Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 20, điểm g khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 6 Điều 28, điểm b khoản 7 Điều 32, điểm d khoản 3 Điều 34, Điều 42, khoản 2 Điều 45, điểm c khoản 3 Điều 47, điểm b khoản 6 Điều 48, khoản 3 Điều 79.

Điều 2. Bổ sung, bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

1. Bổ sung một số từ, cụm từ tại một số điều như sau:

a) Bổ sung cụm từ “cơ sở lưu trú ở khu công nghiệp” vào sau cụm từ “du lịch” tại điểm d khoản 2, điểm b khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 9;

b) Bổ sung cụm từ “tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, khai báo tạm vắng” vào trước cụm từ “cấp giấy tờ khác” tại điểm a và b khoản 4 Điều 9;

c) Bổ sung cụm từ “và các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt” vào sau cụm từ “Chánh Thanh tra Sở” tại khoản 2 Điều 76.

2. Bỏ cụm từ “sổ hộ khẩu, sổ tạm trú” tại điểm c khoản 1, điểm a, b, c, g và h khoản 2 Điều 9.

3. Thay thế cụm từ “phòng cháy và chữa cháy” bằng cụm từ “phòng cháy, chữa cháy” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 69.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa kết thúc sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính